TOÀ ÁN NHÂN DÂN
QUẬN HOÀNG MAI
TP HÀ NỘI

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 35/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 31/5/2024
V/v tranh chấp: Ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN HOÀNG MAI, THÀNH PHỐ HÀ NỘI
Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Đỗ Thị Mai Thu

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Lương

Bà Nguyễn Thị Dứa

Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà: Bà Nguyễn Thị Hồng Vân - Cán bộ Toà án nhân dân quận Hoàng Mai, TP Hà Nội

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Hoàng Mai tham gia phiên tòa: Ông Đặng Văn Sỹ - Kiểm sát viên

Ngày 31 tháng 5 năm 2024 tại trụ sở Toà án nhân dân quận Hoàng Mai, TP Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 161/2024/TLST-HNGĐ ngày 12/3/2024 về tranh chấp "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 34/2024/QĐST-HNGĐ ngày 15 tháng 5 năm 2024 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: **Chị Nguyễn Thị Thu H** - SN 1992 (Có mặt)

HKTT: A21 Tập thể T, phường H, quận H, TP Hà Nội

Nơi cư trú: số 17 ngách 54/2 đường N, tổ 8, phường H, quận H, TP Hà Nội

- *Bị đơn*: **Anh Trần Đình Q** - SN 1991 (Có mặt)

HKTT: thôn A, xã Q, huyện N, tỉnh Hải Dương

Tạm cư trú: số 17 ngách 54/2 đường N, tổ 8, phường H, quận H, TP Hà Nội

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện xin ly hôn ngày 12/12/2024 và các văn bản khai tiếp theo, nguyên đơn là chị Nguyễn Thị Thu H trình bày:

Chị và anh Trần Đình Q kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn ngày 29/7/2020 tại UBND phường H, quận H, TP Hà Nội. Sau khi kết hôn, vợ chồng chị chung sống tại nhà bố mẹ đẻ của chị tại địa chỉ trên. Quá trình chung sống, vợ chồng chị thường xảy ra mâu thuẫn cãi vã, nguyên nhân do anh Q không có trách nhiệm với vợ con, mỗi người có một quan điểm sống không hòa hợp. Vợ chồng chị đã ly thân

mấy lần, gia đình hai bên cũng đã hòa giải nhưng không thành. Anh Q có hành vi bạo lực đối với chị, chị đã phải gửi đơn tố cáo đến công an phường nhờ can thiệp. Sau đó anh Q hứa sẽ sửa chữa nên chị rút đơn tố cáo. Tuy nhiên hai vợ chồng hàn gắn tình cảm không được bao lâu, khoảng tháng 4/2024 thì lại phát sinh mâu thuẫn nên vợ chồng chị ly thân cho đến nay. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị xin được ly hôn anh Q.

Về con chung: vợ chồng chị có một con chung là cháu Trần Đình Nhật M sinh ngày 16/6/2021. Cháu còn nhỏ dưới 36 tháng tuổi nên chị xin trực tiếp nuôi dưỡng con chung sau khi ly hôn, không yêu cầu anh Q cấp dưỡng nuôi con. Hiện nay chị có thu nhập ổn định, bố mẹ đẻ chị tạo điều kiện cho mẹ con chị chỗ ở sau ly hôn.

Về tài sản chung, nhà ở, công nợ: chị không tranh chấp gì về tài sản chung vợ chồng, vợ chồng tự thỏa thuận và chị không yêu cầu Tòa án xem xét.

Tại văn bản ngày 05/4/2024 và các văn bản tiếp theo, bị đơn là anh Trần Đình Q trình bày:

Anh và chị Nguyễn Thị Thu H kết hôn trên cơ sở tự do tìm hiểu và có đăng ký kết hôn ngày 29/7/2020 tại UBND phường H, quận H, TP Hà Nội. Trong cuộc sống chung, vợ chồng có mâu thuẫn cãi vã, nhưng chỉ là mâu thuẫn bình thường trong gia đình. Bản thân anh vẫn luôn cố gắng có trách nhiệm với vợ con. Chị H làm đơn xin ly hôn, nêu nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng như trên là không hợp lý. Anh vẫn muốn duy trì gia đình và vợ chồng cùng nhau nuôi dạy con chung nên anh không đồng ý ly hôn.

Về con chung: anh Q xác nhận vợ chồng anh có một con chung là cháu Trần Đình Nhật M sinh ngày 16/6/2021. Anh không muốn ly hôn, nhưng nếu chị H cương quyết xin ly hôn thì anh xin được nuôi con chung sau ly hôn, không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con. Hiện nay anh có việc làm, đang kinh doanh cùng bố mẹ đẻ, có thu nhập ổn định, có chỗ ở sau ly hôn.

Về tài sản chung, nhà ở, công nợ: vợ chồng anh không tranh chấp gì về tài sản chung và anh Quốc không yêu cầu Tòa án xem xét.

Tại phiên toà hôm nay:

Các bên đương sự vẫn giữ nguyên quan điểm như đã trình bày ở trên. Chị H khai: sau khi vợ cồng lấy nhau, chị mới biết anh Q có nợ xấu tại ngân hàng, chị không rõ lý do nợ nần của anh Q nên vợ chồng xảy ra mâu thuẫn. Anh Q đã hai lần đánh chị, vợ chồng đã nhiều lần sống ly thân. Gia đình hai bên đã hòa giải nhưng không được.

Mâu thuẫn vợ chồng không thể giải quyết được và liên tục tiếp diễn. Chị không còn niềm tin ở anh Q. Chị cương quyết xin ly hôn và xin được nuôi con chung sau ly hôn, chị không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Anh Q thừa nhận có lúc nóng giận không kìm chế và có uống rượu nên đã hai lần đánh vợ. Anh hứa sẽ sửa chữa không tái phạm, không say rượu, không bạo lực gia đình.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Hoàng Mai có quan điểm: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán và Hội đồng xét xử tuân theo đúng quy định của pháp luật tố tụng; nguyên đơn, bị đơn chấp hành đúng quy định của pháp luật về tố tụng dân sự. Về nội dung: đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị Thu H đối với anh Trần Đình Q. Về con chung: vợ chồng anh chị có một con chung là cháu Trần Đình Nhật M sinh ngày 16/6/2021. Giao con chung cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng giáo dục; các bên có quyền đi lại thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở. Chị H không yêu cầu anh Q cấp dưỡng nuôi con chung sau ly hôn nên không xét. Về tài sản chung: vợ chồng anh chị không tranh chấp, không yêu cầu gì về tài sản chung nên không xét. Chị H phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa; trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của các bên đương sự và của Đại diện Viện Kiểm sát; sau khi nghị án, Hội đồng xét xử sơ thẩm nhận định:

[**1**] Chị Nguyễn Thị Thu H và anh Trần Đình Q kết hôn trên cơ sở tự do tìm hiểu và tự nguyện đăng ký kết hôn ngày 29/7/2020 tại UBND phường H, quận H, TP Hà Nội. Như vậy hôn nhân của anh chị là hợp pháp tiến bộ. Vợ chồng chung sống một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm, không có tiếng nói chung, không hòa hợp. Vợ chồng anh chị sống ly nhiều lần, lần gần đây nhất là từ tháng 4/2024. Chị H xác định nay tình cảm vợ chồng không còn nên xin được ly hôn anh Q. Về phía anh Q không muốn ly hôn vì anh vẫn còn tình cảm với vợ, nhưng anh Q không đưa ra được phương án để vợ chồng hàn gắn gia đình. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần tổ chức hòa giải đoàn tụ nhưng không có kết quả, chị H vẫn cương quyết xin ly hôn, không đồng ý đoàn tụ. Tại phiên tòa, chị H vẫn giữ nguyên quan điểm xin ly hôn do không còn tình cảm với anh Q. Như vậy, xét mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, tình trạng hôn nhân không thể kéo dài, mục

đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu xin ly hôn của chị H là có cơ sở để chấp nhận. Căn cứ vào các 51, 55 - Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị Thu H đối với anh Trần Đình Q

[**2**] Về con chung: Chị H, anh Q đều xác nhận vợ chồng anh chị có một con chung là cháu Trần Đình Nhật M sinh ngày 16/6/2021. Chị H và anh Q đều có quan điểm xin được nuôi con chung sau khi ly hôn và không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con, anh chị không thỏa thuận được việc nuôi con chung sau ly hôn. Các bên đương sự đều xuất trình các tài liệu chứng cứ về thu nhập, chỗ ở để khẳng định cho việc đảm bảo đủ điều kiện nuôi dưỡng con chung. Xét nguyện vọng của anh chị đều chính đáng, tuy nhiên theo quy định tại khoản 3 Điều 81 - Luật Hôn nhân và gia đình 2014 thì con dưới 36 tháng tuổi được giao cho mẹ trực tiếp nuôi, trừ trường hợp người mẹ không đủ điều kiện để trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con hoặc cha mẹ có thỏa thuận khác phù hợp với lợi ích của con. Trong trường hợp này thì chị H có đủ điều kiện để nuôi con chung, vợ chồng anh chị không có thỏa thuận nào khác. Xét cháu M hiện dưới 36 tháng tuổi nên cần có sự chăm sóc trực tiếp của người mẹ. Do vậy, căn cứ vào các Điều 58, 71, 72, 81, 82, 83 - Luật Hôn nhân gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử giao con chung là cháu Trần Đình Nhật M sinh ngày 16/6/2021 cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng giáo dục. Chị H không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét. Anh Q có quyền đi lại thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở.

[**3**] Về tài sản chung, nhà ở, công nợ: chị H và anh Q không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án xem xét nên Hội đồng xét xử không xét. Nếu sau này có tranh chấp thì dành quyền khởi kiện cho các đương sự bằng một vụ án dân sự khác.

[**4**] Về án phí: chị H phải chịu án phí theo quy định tại Điều 147 - Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 - Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[**5**] Về quyền kháng cáo: các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định tại các Điều 271, 273 - Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

***Áp dụng*:**

- Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 36; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227; các Điều 271, 273 - Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

- Các Điều 51, 54, 55, 58, 71, 72, 81, 82, 83 - Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014

- Điều 26 - Luật Thi hành án

- Khoản 5 - Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

***Xử*:**

1. Về quan hệ hôn nhân: chị Nguyễn Thị Thu H được ly hôn anh Trần Đình Q

2. Về con chung: xác nhận chị H và anh Q có một con chung là cháu Trần Đình Nhật M sinh ngày 16/6/2021. Giao cháu M cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng giáo dục sau khi ly hôn. Các bên có quyền đi lại thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở.

Chị H không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con cho đến khi các bên có đơn yêu cầu hoặc đến khi có sự thay đổi khác.

3. Về tài sản chung, nhà ở, công nợ: chị H và anh Q không tranh chấp và không yêu cầu Tòa án xem xét nên Hội đồng xét xử không xét.

4. Về án phí: chị Nguyễn Thị Thu H phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng chị H đã nộp tại biên lai số BLTU/23/0011253 ngày 12/3/2024 tại Cơ quan Thi hành án dân sự quận H. Chị H đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Chị H và anh Q có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án

6. Về việc thi hành án: Trường hợp bản án, quyết định của tòa án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân TP Hà Nội
- VKSND TP Hà Nội
- VKSND quận Hoàng Mai, TP Hà Nội

- Cơ quan Thi hành án dân sự quận H, TP Hà Nội
- UBND phường H, quận H, Hà Nội (số 107/2020 ngày 29/7/2020)
- Các đương sự
- Lưu HSVA, VP

Đỗ Thị Mai Thu